Lớp Phật Pháp Buddhadhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAṂYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 26.2022

Túy Sanh Mộng Tử

Kinh Thọ Mạng, 1 (Paṭhamaāyusuttaṃ)

(CHƯƠNG IV. TƯƠNG ƯNG ÁC MA, PHẨM THỨ NHẤT) (S.i, 107)

Kinh Thọ Mạng, 2 (Dutiyaāyusuttaṃ)

(CHƯƠNG IV. TƯƠNG ƯNG ÁC MA, PHẨM THỨ NHẤT) (S.i, 107)

Quan niệm đời sống ngắn hay dài không đơn giản là triết lý lúc trà dư tửu lậu mà có ảnh hưởng lớn tới nhân sinh quan con người, và từ đó, tạo nên thái độ sống trong thực tế. Người ta sống hưởn đãi, không tích cực vì nghĩ rằng mình có quá nhiều thời gian để hoàn tất điều muốn làm. Kỳ thực cái chết có thể đến bất cứ lúc nào. Ngay cả một người sống đến tuổi "cổ lai hy" nếu không tích cực thì cuộc sống cũng phí phạm vô ích. Rất nhiều lời khuyên "nên sống như chỉ còn một ngày để sống. Trong Kinh Pháp Cú có Phật ngôn "người sống giãi đãi thì sống mà cũng như chết" vì đang sống trong giấc mộng chứ không phải sống với hiện thực.

Kinh Văn

Evaṃ me sutaṃ
Tôi được nghe như vầy:

Ekaṃ samayaṃ bhagavā rājagahe viharati veḷuvane kalandakanivāpe.
Thuở ấy Đức Thế Tôn ở Rājagaha, ở Trúc Lâm, tại khu Kalandakanivāpa (chỗ cho sóc ăn).

ekaṃ samayaṃ bhagavā rājagahe viharati veḷuvane kalandakanivāpe. Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi – ''bhikkhavo''ti. ''Bhadante''ti te bhikkhū bhagavato paccassosuṃ.
Tại đấy Thế Tôn lên tiếng với các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo" Chư tỳ kheo trả lời: "Dạ, bạch Thế Tôn".

Bhagavā etadavoca –
Thế Tôn nói như sau:

‘‘Appamidaṃ, bhikkhave, manussānaṃ āyu. Gamanīyo samparāyo, kattabbaṃ kusalaṃ, caritabbaṃ brahmacariyaṃ. Natthi jātassa amaraṇaṃ. Yo, bhikkhave, ciraṃ jīvati, so vassasataṃ appaṃ vā bhiyyo’’ti.
Này chư tỳ kheo, tuổi thọ kiếp nhân sinh quả là ngắn ngủi. Ai rồi cũng phải ra đi tới kiếp tương lai. Hãy làm thiện sự, hãy sống phạm hạnh. Người sanh ra rồi phải đến lúc tử vong. Người sống lâu lắm được trọng kiếp trăm năm hay dài hơn một chút.

Atha kho māro pāpimā yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantaṃ gāthāya ajjhabhāsi –
Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn nói với Ngài kệ ngôn:

‘‘Dīghamāyu manussānaṃ, na naṃ hīḷe suporiso;
Careyya khīramattova, natthi maccussa āgamo’’ti.

Nhân loại vốn sống lâu,
Người thiện chớ u sầu,
Hồn nhiên như trẻ nhỏ,
Chết đâu mà lo âu.

‘‘Appamāyu manussānaṃ, hīḷeyya naṃ suporiso;
Careyyādittasīsova, natthi maccussa nāgamo’’ti.

(Thế Tôn)

Nhân sinh thọ mạng ngắn,
Người thiện biết nghĩ xa,
Như lửa cháy trên đầu,
Không tránh khỏi tử vong.

Atha kho māro pāpimā ‘‘jānāti maṃ bhagavā, jānāti maṃ sugato’’ti dukkhī dummano tatthevantaradhāyīti.
Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta" nên buồn và thất vọng liền biến mất tại chỗ ấy.

Thích văn

‘‘Dīghamāyu manussānaṃ	=	Kiếp người quả là dài
na naṃ hīḷe suporiso	=	Người tốt bất tất phải âu lo
Careyya khīramattova	=	Hãy sống (hồn nhiên) như trẻ thơ bú sữa
natthi maccussa āgamo’’ti	=	Cái chết có đến đâu mà!
‘‘Appamāyu manussānaṃ	=	Nhân sinh tuổi thọ ngắn
hīḷeyya naṃ suporiso	=	Người thiện biết liệu toan
Careyyādittasīsova	=	Họ nên hành động kíp thời như lửa cháy trên đầu
natthi maccussa nāgamo’’ti	=	Cái chết đến không sao tránh khỏi

Thích nghĩa

Theo Sớ giải thì câu nói của Ác ma “careyya khīramattova - sống như đứa trẻ thơ bú sữa” hàm ý là sống hồn nhiên sau khí bú xong lăn ra ngủ chẳng cần biết cuộc sóng ngắn dài.

9. Paṭhamaāyusuttaṃ [Mūla]

145. Evaṃ me sutaṃ – ekaṃ samayaṃ bhagavā rājagahe viharati veḷuvane kalandakanivāpe. Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi – ‘‘bhikkhavo’’ti. ‘‘Bhadante’’ti te bhikkhū bhagavato paccassosuṃ. Bhagavā etadavoca –

‘‘Appamidaṃ, bhikkhave, manussānaṃ āyu. Gamanīyo samparāyo, kattabbaṃ kusalaṃ, caritabbaṃ brahmacariyaṃ. Natthi jātassa amaraṇaṃ. Yo, bhikkhave, ciraṃ jīvati, so vassasataṃ appaṃ vā bhiyyo’’ti.

Atha kho māro pāpimā yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantaṃ gāthāya ajjhabhāsi –

‘‘Dīghamāyu manussānaṃ, na naṃ hīḷe suporiso;
Careyya khīramattova, natthi maccussa āgamo’’ti.

‘‘Appamāyu manussānaṃ, hīḷeyya naṃ suporiso;
Careyyādittasīsova, natthi maccussa nāgamo’’ti.
Atha kho māro...pe... tatthevantaradhāyīti.

9. Paṭhamaāyusuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

145. Navame **appaṃ vā bhiyyo**ti bhiyyo jīvanto aparaṃ vassasataṃ jīvituṃ na sakkoti, paṇṇāsaṃ vā saṭṭhi vā vassāni jīvati. **Ajjhabhāsī**ti samaṇo gotamo ‘‘manussānaṃ appamāyū’’ti katheti, dīghabhāvamassa kathessāmīti paccanīkasātatāya abhibhavitvā abhāsi.

Na naṃ hīḷeti taṃ āyuṃ ‘‘appakamida’’nti na hīḷeyya. **Khīramatto vā**ti yathā daharo kumāro uttānaseyyako khīraṃ pivitvā dukūlacumbaṭake nipanno asaññī viya niddāyati, kassaci āyuṃ appaṃ vā dīghaṃ vāti na cinteti, evaṃ sappuriso. **Careyyādittasīso vā**ti āyuṃ parittanti ñatvā pajjalitasīso viya careyya. Navamaṃ.

Kinh Thọ Mạng, 2 (Dutiyaāyusuttaṃ)

(CHƯƠNG IV. TƯƠNG ƯNG ÁC MA, PHẨM THỨ NHẤT) (S.i, 107)

Kinh Văn

Evaṃ me sutaṃ
Tôi được nghe như vầy:

Ekaṃ samayaṃ bhagavā rājagahe viharati veḷuvane kalandakanivāpe.
Thuở ấy Đức Thế Tôn ở Rājagaha, ở Trúc Lâm, tại khu Kalandakanivāpa (chỗ cho sóc ăn).

ekaṃ samayaṃ bhagavā rājagahe viharati veḷuvane kalandakanivāpe. Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi – ‘‘bhikkhavo’’ti. ‘‘Bhadante’’ti te bhikkhū bhagavato paccassosuṃ.
Tại đấy Thế Tôn lên tiếng với các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo" Chư tỳ kheo trả lời: “Dạ, bạch Thế Tôn".

Bhagavā etadavoca –
Thế Tôn nói như sau:

‘‘Appamidaṃ, bhikkhave, manussānaṃ āyu. Gamanīyo samparāyo, kattabbaṃ kusalaṃ, caritabbaṃ brahmacariyaṃ. Natthi jātassa amaraṇaṃ. Yo, bhikkhave, ciraṃ jīvati, so vassasataṃ appaṃ vā bhiyyo’’ti.
Này chư tỳ kheo, tuổi thọ kiếp nhân sinh quả là ngắn ngủi. Ai rồi cũng phải ra đi tới kiếp tương lai. Hãy làm thiện sự, hãy sống phạm hạnh. Người sanh ra rồi phải đến lúc tử vong. Người sống lâu lắm được trọng kiếp trăm năm hay dài hơn một chút.

Atha kho māro pāpimā yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantaṃ gāthāya ajjhabhāsi –
Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn nói với Ngài kệ ngôn:

‘‘Nāccayanti ahorattā, jīvitaṃ nūparujjhati;
Āyu anupariyāyati, maccānaṃ nemīva rathakubbara’’nti.

Ngày đêm chẳng trôi nhanh,
Thọ mạng đâu chấm dứt,
Cuộc sống cứ xoay vần,
Như bánh xoay quanh trục.

‘‘Accayanti ahorattā, jīvitaṃ uparujjhati;
Āyu khīyati maccānaṃ, kunnadīnaṃva odaka’’nti.

(Thế Tôn)

Đêm ngày trôi qua nhanh,
Cuộc sống thật chóng vánh,
Thọ mạng sẽ khô cạn,
Như sơn khê cạn dần.

Atha kho māro pāpimā ‘‘jānāti maṃ bhagavā, jānāti maṃ sugato’’ti dukkhī dummano tatthevantaradhāyīti.
Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

‘‘Nāccayanti ahorattā = Đêm và ngày không qua nhanh
jīvitaṃ nūparujjhati = Cuộc sống chẳng bị cắt ngắn
Āyu anupariyāyati = Tuổi thọ cứ xoay vần
maccānaṃ nemīva rathakubbara’’nti = Như bánh xe quay quanh trục

‘‘Accayanti ahorattā = Ngày và đêm trôi nhanh
jīvitaṃ uparujjhati = Cuộc sống thật ngắn ngủi
Āyu khīyati maccānaṃ = Tuổi thọ của con người cứ cạn dần
kunnadīnaṃva odaka’’nti = Như nước của khe suối nhỏ

Thành ngữ maccānaṃ nemīva rathakubbara’’ti (Như bánh xe quay quanh trục) giống câu thánh thi trong Áo Nghĩa Thư (Upanishad) mang ý nghĩa cuộc sống luôn xoay quanh tự ngã.

Tỳ kheo Giác Đẳng dịch và biên soạn giáo trình
-ooOoo-

10. Dutiyaāyusuttaṃ [Mūla]

146. Evaṃ me sutaṃ – ekaṃ samayaṃ bhagavā rājagahe viharati veḷuvane kalandakanivāpe. Tatrakho bhagavā...pe... etadavoca –

‘‘Appamidaṃ, bhikkhave, manussānaṃ āyu. Gamanīyo samparāyo, kattabbaṃ kusalaṃ, caritabbaṃ brahmacariyaṃ. Natthi jātassa amaraṇaṃ. Yo, bhikkhave, ciraṃ jīvati, so vassasataṃ appaṃ vā bhiyyo’’ti.

Atha kho māro pāpimā yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantaṃ gāthāya ajjhabhāsi –

‘‘Nāccayanti ahorattā, jīvitaṃ nūparujjhati;
Āyu anupariyāyati, maccānaṃ nemīva rathakubbara’’nti.

‘‘Accayanti ahorattā, jīvitaṃ uparujjhati;
Āyu khīyati maccānaṃ, kunnadīnaṃva odaka’’nti.

Atha kho māro pāpimā ‘‘jānāti maṃ bhagavā, jānāti maṃ sugato’’ti dukkhī dummano tatthevantaradhāyīti.

10. Dutiyaāyusuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

146. Dasame **nemīva rathakubbara**nti yathā divasaṃ gacchantassa rathassa cakkanemi kubbaraṃ anupariyāyati na vijahati, evaṃ āyu anupariyāyatīti. Dasamaṃ.